

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, chăm
sóc, nuôi dưỡng con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Toàn

Ông Đặng Minh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị N, sinh năm: 199x

Địa chỉ: xóm X H 3, xã T C, thành phố P Y, tỉnh T N.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Công H, sinh năm: 198x

Địa chỉ: xóm T 1, xã T C, thành phố P Y, tỉnh T N.

Chị N có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Dương Thị N trình bày: Chị Dương Thị N và anh Lê Công H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T C, huyện P Y (nay là thành phố P Y), tỉnh T N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 25 tháng 8 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nH sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H

vi phạm pháp luật và bị xử phạt 06 năm tù. Trong thời gian anh H chấp hành án, chị N lên thăm thường xuyên những vẫn xảy ra cãi vã. Đến năm 2018, chị N chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xóm X H 3, xã T C và ly thân với anh H sinh sống cho đến nay. Hiện vợ chồng đã ly thân với nhau trong một thời gian dài. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống chung không thể tiếp diễn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Lê Công H.

Về con chung: Chị Dương Thị N và anh Lê Công H có 01 con chung là Lê Ngọc A, sinh năm 201x. Hiện nay, con chung đang chung sống cùng chị Dương Thị N. Chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung từ khi mới sinh cho đến nay. Chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Công H hiện đang cư trú tại xóm T 1, xã T C, thành phố P Y, tỉnh T N. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh H, xác định hiện nay anh H đang sống cùng bố mẹ đẻ là ông Lê Công H và bà Nguyễn Thị Th tại xóm T 1, xã T C, thành phố P Y.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến tham gia tố tụng theo các thông báo của Tòa án dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố P Y, tỉnh T N tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P Y, tỉnh T N phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị Dương Thị N và anh Lê Công H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T C theo đúng quy định. Theo lời khai của đương sự thể hiện, mâu thuẫn vợ chồng diễn ra trong một thời gian dài, tình cảm vợ chồng đã không còn nên yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị Dương Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Ngọc A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bị đơn cư trú tại xóm T 1, xã T C, thành phố P Y, tỉnh T N. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố P Y, tỉnh T N.

[2] Bị đơn là anh Lê Công H vắng mặt tại phiên toà. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, tuy nhiên anh H vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Chị Dương Thị N và anh Lê Công H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T C, thành phố P Y, tỉnh T N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 25 tháng 8 năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của đương sự, trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không tu chí làm ăn, ham chơi, vi phạm pháp luật, phải chấp hành án phạt tù trong một thời gian. Trước khi Toà án giải quyết ly hôn, chị N và anh H đã ly thân một thời gian dài. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh H không có khả năng hàn gắn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị N và anh Lê Công H có 01 con chung là Lê Ngọc A, sinh năm 201x. Chị Dương Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung từ khi mới sinh đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Dương Thị N đề nghị được giao trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ánh. Xét thấy, con chung còn nhỏ, để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của trẻ nhỏ, cần giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo: Chị N và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Dương Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N được ly hôn với anh Lê Công H.

- Về con chung: Giao cho chị Dương Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Ngọc A, sinh năm 201x cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002096 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P Y, tỉnh T N, chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Công H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS TP. Phổ Yên;
- UBND xã Thành Công;
- Chị Ngọc, anh Hưng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Xuân Lộc